# BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

## MỤC 1 DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

**SẢN PHẨM**

**Tên sản phẩm:** **MOBIL GLYGOYLE 320**
**Mô tả sản phẩm:** Dầu gốc và phụ gia tổng hợp
**Mã sản phẩm.:** 201560401850, 608943-60
**Sử dụng đúng mục đích:** Dầu hộp số

**DANH TÍNH CÔNG TY**

**Nhà sản xuất / Nhà cung cấp:** **ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)**
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

**Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ** +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
**Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp** (65) 6885 8000/86-21-24076000

**Nhà cung cấp:** **CÔNG TY TNHH EQUATOR**
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
**Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp** +84 28 3940 6411

**Nhà cung cấp:** **Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang**
120 đường Hòang Hoa Thám
Phường 7, Quận Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

**Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp** +84 28 7302 4500
**FAX** +84 28 3847 6879

**Nhà cung cấp:** **Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN**
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

**Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp** +84 24 32123939

## MỤC 2 NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

**PHÂN LOẠI:**

Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh loại 3

**NHÃN:**
**Hình đồ:** Không có hình đồ

**Từ Cảnh Báo:** Không có Từ Cảnh Báo nào

**Các Công Bố Về Mối Nguy Hiểm:**

Môi trường: H402: Có hại cho các thủy sinh vật.

**Thông Điệp Đề Phòng:**

Phòng Ngừa: P273: Tránh phát tán ra môi trường.
Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

**Thông tin khác về mối nguy hiểm:**

**CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC**
Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

**CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE**
Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Tiếp xúc quá nhiều có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp.

**CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG**
Không có mối nguy hiểm nào nữa.

**LƯU Ý:** Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

## MỤC 3 THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

**(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố**

| Tên | Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất# | Hàm lượng Nồng độ* | Các Mã về Mối Nguy Hiểm theo GHS |
|---|---|---|---|
| 1H-IMIDAZOL-1-ETANOL, 2-(8-HEPTADECENYL)-4,5-DIHYDRO- | 95-38-5 | 0.1 - < 0.25% | H302, H314(1C), H373, H400(M factor 10), H410(M factor 1) |

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

## MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

### HÍT VÀO
Đưa ngay ra khỏi môi trường tiếp xúc. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thỏa đáng để bảo vệ đường hô hấp. Nếu bị kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm gặp y bác sĩ ngay. Nếu nạn nhân bị ngưng thở, dùng thiết bị cơ học để làm thông khí hoặc dùng biện pháp hô hấp nhân tạo miệng qua miệng.

### TIẾP XÚC VỚI DA
Rửa các vùng tiếp xúc với nước và xà phòng. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao , người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có the rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

### TIẾP XÚC VỚI MẮT
Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

### ĂN VÀO
Thường không cần phải cấp cứu. Tìm y bác sĩ để được chăm sóc nếu cảm thấy khó chịu.

### Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý
Không

## MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

### CHẤT DẬP LỬA
**Chất dập lửa phù hợp:** Sử dụng nước phun sương, bọt, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

**Chất dập lửa không phù hợp:** Các dòng nước thẳng

### CHỮA CHÁY
**Hướng dẫn chữa cháy:** khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

**Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm:** Các Andehyt, Các oxyt của cacbon, Khói, Các oxyt lưu huỳnh

### CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY
**Điểm bốc cháy [Phương pháp]:** >240°C (464°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]
**Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí):** Giới hạn tiếp xúc dưới: KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Nhiệt độ tự bốc cháy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

## MỤC 6 CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ BẤT NGỜ

### CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO
Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

## CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

## XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

**Tràn đổ xuống đất:** Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Thu hồi bằng cách bơm hoặc bằng cách dùng chất hấp thụ thích hợp

**Tràn đổ nước:** Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Vật liệu sẽ chìm. Lấy vật liệu đi, càng nhiều càng tốt, dùng thiết bị cơ học.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, ( và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

## ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Thu gom các mảnh vụn trên đoạn đường có tràn đổ dầu trước khi xử lý dầu tràn đổ và thu gom các mảnh vụn nhiễm dầu ven bờ và trên mặt nước rồi thải bỏ theo các quy định ở địa phương. Lượng tràn đổ lớn: Đào mương xung quanh ngăn chặn thật sớm lượng chất lỏng tràn đổ để thu gom xử lý phục hồi hoặc loại bỏ sau này. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

# MỤC 7 THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

## THAO TÁC

Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (nguồn lửa). Khi thao tác với vật liệu ở số lượng lớn, tia lửa có thể gây bốc cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào sinh ra từ các chất lỏng hoặc cặn dư có thể đang hiện diện (ví dụ, trong các thao tác trộn lẫn các loại vật liệu khác nhau – switch loading). Sử dụng các quy trình phù hợp để kết nối và tiếp đất chống phóng điện. Tuy nhiên, kết nối và tiếp đất cũng có thể không loại bỏ được nguy cơ tích tĩnh điện. Xin tham khảo các tiêu chuẩn hiện hành của địa phương để được hướng dẫn. Các nơi có thể cung cấp tài liệu tham khảo thêm bao gồm Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ - American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bốc Cháy Do Tĩnh Điện, Sét Đánh và Các Dòng Điện Khác - Protection Against Ignitions Arising out of Static, Lightning and Stray Currents) hoặc Cơ Quan Bảo Vệ Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia - National Fire Protection Agency 77 (Biện Pháp Thực Hành Nên Dùng để chống Tĩnh Điện-Recommended Practice on Static Electricity) hoặc CENELEC CLC/TR 50404 (Tĩnh điện – Quy định thực hành tránh các hiểm họa tĩnh điện [Electrostatics - Code of practice for the avoidance of hazards due to static electricity]).

**Chất có khả năng tích tĩnh điện:** Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

## BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn.

# MỤC 8 KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

## KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:
Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

## BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

**Bảo vệ đường hô hấp:** Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:
Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ. thể hạt

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nối

**Bảo vệ tay:** Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:
Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ nào trong các điều kiện sử dụng bình thường.
Nitril,Nhựa Viton (thường dùng trong trang phục bảo hộ)

**Bảo vệ mắt:** Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

**Bảo vệ da và cơ thể:** Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:
Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ da trong các điều kiện sử dụng bình thường.
Theo hoạt động về vệ sinh công nghiệp tốt, cần có các biện pháp đề phòng tránh tiếp xúc với da.

**Các biện pháp vệ sinh riêng:** Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

## KIỂM SOÁT VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

## MỤC 9 TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

**Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.**

**THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng
**Màu:** Vàng nhạt
**Mùi:** Đặc điểm
**Ngưỡng phát hiện mùi:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

**THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Tỷ trọng (ở 15.6 °C):** 1.077 [ASTM D4052]
**Khả năng cháy (Rắn, Khí):** KHÔNG ÁP DỤNG
**Điểm bốc cháy [Phương pháp]:** >240°C (464°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]
**Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí):** Giới hạn tiếp xúc dưới: KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Nhiệt độ tự bốc cháy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Điểm sôi / Phạm vi:** KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Nhiệt độ phân hủy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Tỷ khối hơi (không khí = 1):** > 2 ở 101 kPa [Uoc luong]
**Áp suất hơi:** < 0.013 kPa (0.1 mm Hg) ở 20 °C [Uoc luong]
**Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1):** KHÔNG XÁC ĐỊNH
**pH:** KHÔNG ÁP DỤNG
**Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước):** < 3 [Uoc luong]
**Khả năng tan trong nước:** Đáng kể
**Độ nhớt:** 320 CentiStoke (320 mm2/giây) ở 40 °C | 55 CentiStoke (55 mm2/giây) ở 100°C [ASTM D 445]
**Các Tính Chất Oxy Hóa:** Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

**THÔNG TIN KHÁC**

**Điểm đông:** KHÔNG XÁC ĐỊNH
**Điểm nóng chảy:** KHÔNG ÁP DỤNG
**Nhiệt độ rót:** -27°C (-17°F) [ASTM D97]

## MỤC 10 ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**ĐỘ BỀN:** Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

**CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH:** Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

**CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH:** Chất Oxy hóa mạnh

**CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM:** Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

**KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM:** Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

## MỤC 11 THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

## THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

| Nhóm nguy hiểm | Kết luận / Nhận xét |
|---|---|
| **Hít phải** | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường. |
| **Ăn vào** | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Da** | |
| Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| Ăn Mòn Da/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Mắt** | |
| Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Gây mẫn cảm** | |
| Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp. |
| Gây Mẫn Cảm Da: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Sặc vào phổi:** Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là có hiểm họa sặc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu. |
| **Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm:** Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Khả năng gây ung thư:** Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây ung thư. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Độc Tính Sinh Sản:** Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | là Không được xem là chất độc sinh sản. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |
| **Thời kỳ cho con bú:** Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ. |
| **Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT)** | |
| Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần. |
| Tiếp Xúc Lặp Lại: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên việc đánh giá các thành phần |

## ĐỘC TÍNH CHO CÁC CHẤT

| TÊN | ĐỘ ĐỘC CẤP TÍNH |
|---|---|
| 1H-IMIDAZOL-1-ETANOL, 2-(8-HEPTADECENYL)-4,5-DIHYDRO- | Khả Năng Gây Tử Vong Qua Miệng: LD50 1265 mg/kg (Chuột (rat)) |

## THÔNG TIN KHÁC

**Cho bản thân sản phẩm.:**

Tiếp xúc nhiều lần và/hoặc trong thời gian kéo dài có thể gây kích ứng da, mắt, hoặc đường hô hấp.

**Chứa:**

Dầu gốc tổng hợp: Dựa trên các nghiên cứu thí nghiệm với cùng vật liệu hoặc vật liệu tương tự, không được xem là có

gây ra các tác dụng đáng kể cho sức khỏe trong các điều kiện sử dụng bình thường. Không gây đột biến gien hoặc tác hại về mặt di truyền Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật và người.

**Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:**
**Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây:** Không.

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--

| 1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 1 | 2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2A | 3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2B |
|---|---|---|

## MỤC 12 THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bắc cầu.

**ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI**
Vật liệu -- Được xem là có hại cho thủy sinh vật.

**TÍNH LINH ĐỘNG**
Thành phần dầu gốc -- Được xem là còn lưu lại trong nước hoặc di chuyển vào trong đất.

**KHẢ NĂNG TÍCH TỤ TRONG CƠ THỂ**
Thành phần dầu gốc -- Ít có khả năng tích tụ trong cơ thể.

## MỤC 13 XEM XÉT VỀ VIỆCTHẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

**KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ**
Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát ở nhiệt độ rất cao để tránh tạo thành các sản phẩm cháy không mong muốn. Bảo vệ môi trường. Thải bỏ dầu đã qua sử dụng tại nơi quy định. Giảm tiếp xúc với da đến mức tối thiểu. Không trộn lẫn dầu đã qua sử dụng với các dung môi, dầu thắng hoặc chất làm nguội.

**Cảnh báo về bình chứa rỗng** NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TĨNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phuy sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phuy. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

## MỤC 14 THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

**ĐẤT** : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

**Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG):** Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

**Chất gây ô nhiễm biển:** Không

**AIR (IATA):** Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

## MỤC 15 THÔNG TIN QUI ĐỊNH

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

**TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH**

**Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây :**
AIIC, DSL, ENCS, IECSC, ISHL, KECI, PICCS, TCSI, TSCA

## MỤC 16 THÔNG TIN KHÁC

**N/D = không xác định, N/A = không áp dụng**
**DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):**
H302: Có hại khi nuốt phải; Độc Cấp Tính Qua Miệng, Nhóm 4
H314(1C): Gây phỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng; Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 1C
H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần; Cơ Quan Đích, Nhiều Lần, Nhóm 2
H400: Rất độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 1
H410: Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 1

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:**
CÔNG TY TNHH EQUATOR: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang): Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được xóa.
Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang: Khu vực 01: địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp đã bổ sung thông tin.
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.

---

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất

kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

---

DGN: 7008808XVN (1004290)

---